TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2023/DS-ST
Ngày: 25/12/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Hiền

2. Ông Nguyễn Công Trung

- Thư ký phiên tòa: ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bxét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 305/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐST - DS ngày 28/11/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2023 ngày 06/12/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trương Thị G, sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Số B TL ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Bà K và ông Đ được triệu tập hợp lệ 02 lần để xét xử nhưng vắng mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị G trình bày:*

Vào năm 2020 bà có tham gia 03 dây hụi do bà Nguyễn Thị K làm chủ. Cụ thể:

Dây 1: Hụi khui vào ngày 10/01/2020 (AL) hụi 5.000.000 đồng bà tham gia chơi 01 phần và đã hốt xong. Dây hụi này bà còn nợ lại tiền hụi chết của bà K là 15.000.000 đồng.

Dây 2: hụi khui vào ngày 10/4/2020 (AL) hụi 5.000.000 đồng bà tham gia chơi 02 phần và đóng được 15 lần với số tiền 60.000.000 đồng.

Dây 3: hụi khui vào ngày 10/3/2021 (AL) hụi 5.000.000 đồng bà tham gia chơi 01 phần và đóng được 04 lần với số tiền 32.000.000 đồng.

Tổng dây 2 và dây 3 bà đã đóng được vho bà K với số tiền 92.000.000 đồng. Đến đầu tháng 10/2021 bà K tuyên bố bể hụi, và không giao lại cho bà số tiền đã đóng. Sau đó bà có yêu cầu nhờ chính quyền giải quyết thì bà K có trả cho bà được số tiền 12.000.000 đồng.

Sau khi trừ vào số tiền bà nợ bà K là 15.000.000 đồng; số tiền bà K đã trả cho bà 12.000.000 đồng. Hiện tại bà K còn nợ bà số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Do ông Đ là chồng bà K, sống chung nhà, bà K làm chủ hụi nhằm mục đích phục vụ kinh tế gia đình nên bà khởi kiện yêu cầu bà K và ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 65.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi suất.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị K vắng mặt tại phiên Tòa nhưng tại biên bản hòa giải ngày 28/11/2023 bà K trình bày:*

Bà có làm chủ nhiều dây hụi và bà G có tham gia 03 dây hụi do bà làm chủ cụ thể giống như 03 dây hụi mà bà G đã trình bày. Sau khi trừ hết vào các khoản tiền bà G còn nợ bà dây thứ nhất là 15.000.000 đồng; số tiền bà đã trả cho bà K 12.000.000 đồng. Hiện tại bà còn nợ bà G số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Bà G khởi kiện yêu cầu bà và ông Đ cùng liên đới trả số tiền 65.000.000 đồng, bà đồng ý trả nhưng do ông Đ chồng bà không tham gia hòa giải cùng bà, cũng không ủy quyền lại nên bà không thể quyết định thay cho ông Đ; bà và ông Đ vẫn sống chung nhà, có đăng ký kết hôn, cùng lo làm ăn để trả nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Văn Đ vắng mặt tại tất cả các lần hòa giải cũng như xét xử nên không có lời trình bày.*

** Quan điểm của Đại diện Viện kểm sát:*

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự,

người làm chứng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 468, 471 Bộ luật dân sự, Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trương Thị G, buộc bà Nguyễn Thị K và ông Ngô Văn Đ liên đới trả cho bà G số tiền nợ hụi 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng). Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1 Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị K và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ 2 lần để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xử vắng mặt bà K, ông Đ.

2. Về nội dung:

[2.1] Tại phiên Tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trương Thị G vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn Nguyễn Thị K và Ngô Văn Đ liên đới trả số tiền 65.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà G HĐXX xét thấy: tại phiên Tòa bà Nguyễn Thị K vắng mặt nhưng tại biên bản hòa giải ngày 28/11/2023 nguyên đơn bà Trương Thị G và bị đơn Nguyễn Thị K cùng thống nhất số tiền hụi mà bà K còn nợ bà G là 65.000.000 đồng và bà K đồng ý trả số tiền trên cho bà G, do ông Đ vắng mặt nên Tòa án không công nhận thỏa thuận trên.

Do bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà G nên bà G khởi kiện là có căn cứ phù hợp với điều 471 Bộ luật dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ nên được HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về trách nhiệm liên đới: Bà K trực tiếp làm chủ hụi tại nhà trong thời gian dài, mở nhiều dây hụi liên tục và với số lượng hụi viên tham gia đông, ông Đ và bà K vẫn đang sống chung nhà, theo kết quả xác minh của Tòa án được đại diện chính quyền địa phương xã B cho biết bà K và ông Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, ông bà vẫn còn sống chung và làm ăn kinh tế chung, khoản nợ này

phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, bà K cũng đồng ý cùng ông Đ liên đới trả nợ cho bà G, phía ông Đ vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng và cũng không có văn bản hay ý kiến phản đối đây là nợ riêng của bà K nên ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà K trả nợ theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó buộc bà K và ông Đ liên đới trả cho bà G số tiền hụi 65.000.000 đồng.

[2.4] Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với tiền nợ hụi.

[2.5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2.6] Về án phí DSST có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị K và ông Ngô Văn Đ phải nộp 65.000.000đ đồng x 5% = 3.250.000đ (Bệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị G. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trương Thị G số tiền hụi 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí DSST có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị K và ông Ngô Văn Đ phải nộp án phí số tiền là 3.250.000đ (Bệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trương Thị G số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.630.000đ (Một triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0001339 ngày 21/9/2023 của Chi cuïc Thi hành án daân söï huyện B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Nguyễn Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện B;*
- *THADS huyện B;*
- *UBND xã B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu